

THỰC TRẠNG CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

● PHÙNG THỊ HIỀN

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

TÓM TẮT:

Bài báo phân tích thực trạng công bố thông tin kế toán của 12 doanh nghiệp công nghệ niêm yết và đăng ký giao dịch tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2024 thông qua bộ dữ liệu bảng gồm 60 quan sát. Kết quả thống kê mô tả cho thấy, chỉ số minh bạch thông tin (DI) đạt trung bình 83,33%, phản ánh nỗ lực công bố thông tin đáng ghi nhận. Tuy nhiên, phát hiện 3 điểm bất cập nổi bật: (1) sự phân hóa rõ rệt về mức độ minh bạch giữa các doanh nghiệp (min 70,00% - max 95,00%); (2) tỷ trọng tài sản vô hình trên tổng tài sản chỉ đạt trung bình 2,35%; và (3) tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản biến động mạnh từ - 70,07% đến 13,09%, phản ánh rủi ro đặc thù cao của ngành. Bài báo đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng công bố thông tin phi tài chính.

Từ khóa: công bố thông tin kế toán, minh bạch thông tin, doanh nghiệp công nghệ.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số 2025-2030 đã tạo ra làn sóng phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp phần mềm, viễn thông, thương mại điện tử và công nghệ tài chính. Sự bùng nổ này kéo theo sự hiện diện ngày càng đông đảo của nhóm doanh nghiệp công nghệ trên thị trường chứng khoán, từ các sàn chính thức HOSE, HNX đến UPCoM.

Tuy nhiên, đặc thù của doanh nghiệp công nghệ với mô hình kinh doanh dựa trên tài sản vô hình, chu kỳ đầu tư dài, mức độ bất cân xứng thông tin cao... đã đặt ra yêu cầu đặc biệt về chất lượng công bố thông tin kế toán. Thông tin tài chính chất lượng cao không chỉ là công cụ bảo vệ nhà đầu tư mà còn là nền tảng để thị trường định giá đúng giá trị dài hạn của

doanh nghiệp, đặc biệt khi phần lớn giá trị được tạo ra từ phần mềm, thương hiệu số, dữ liệu người dùng và năng lực R&D,... những yếu tố không thể hiện đầy đủ trên bảng cân đối kế toán theo VAS hiện hành.

Trong bối cảnh đó, câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: các doanh nghiệp công nghệ niêm yết tại Việt Nam đang ở mức độ minh bạch thông tin kế toán như thế nào? Những bất cập gì trong hệ thống chuẩn mực và thực tiễn công bố cần được nhìn nhận và khắc phục? Bài báo nhằm trả lời những câu hỏi đó thông qua phân tích thực chứng dựa trên bộ dữ liệu bảng giai đoạn 2020 - 2024.

2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả trên bộ dữ liệu bảng được thu thập thủ công từ báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất đã kiểm toán, báo cáo

thường niên và công bố thông tin chính thức của 12 doanh nghiệp công nghệ trong giai đoạn 2020 -2024. Danh sách 12 mã chứng khoán đại diện cho các phân khúc khác nhau của ngành: tập đoàn công nghệ tích hợp lớn (FPT, CMG, VNZ), doanh nghiệp viễn thông - hạ tầng số (VGI, VTC), phần mềm - giải pháp CNTT (ELC, ITD, ICT, TTN), truyền thông số (ONE, FOX) và dịch vụ tài chính công nghệ (MFS).

Các biến được phân tích bao gồm: (1) Chỉ số minh bạch thông tin (DI) được xây dựng theo phương pháp chấm điểm nhị phân dựa trên danh mục 20 tiêu chí gồm 3 nhóm: Nhóm A - Tính kịp thời (5 tiêu chí), Nhóm B - Độ tin cậy (6 tiêu chí) và Nhóm C - Mức độ chi tiết (9 tiêu chí); (2) Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) đại diện cho hiệu quả kinh doanh; (3) Tỷ trọng tài sản vô hình trên tổng tài sản (INTAN); (4) Loại công ty kiểm toán (Big4 hay non-Big4); và (5) Sàn niêm yết (HOSE/HNX hoặc UPCoM). Các thống kê mô tả gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất và lớn nhất nhằm phản ánh bức tranh thực trạng của mẫu nghiên cứu.

3. Phân tích thực trạng công bố thông tin

3.1. Chỉ số minh bạch thông tin (DI) có sự phân hóa mạnh

Kết quả tại Bảng 1 cho thấy, chỉ số DI đạt giá trị trung bình 0,8333 (83,33%), phản ánh nỗ lực tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin khá tốt của nhóm doanh nghiệp công nghệ. Xét theo từng doanh nghiệp, FPT dẫn đầu với DI trung bình 0,95 trong suốt 5 năm, mức

điểm chỉ thiếu duy nhất một tiêu chí (C4 - báo cáo ESG/phát triển bền vững). VNZ, FOX và CMG lần lượt đạt 0,93; 0,91 và 0,90, xác lập nhóm dẫn đầu. Ở đầu còn lại, MFS chỉ đạt 0,70 và ICT 0,75 đây là những doanh nghiệp có thiếu hụt nhất quán tại nhóm B (độ tin cậy kiểm toán) và nhóm C (mức chi tiết thông tin).

Điều đáng chú ý là khoảng cách giữa Min (0,70) và Max (0,95) lên tới 0,25 điểm, tương đương 5/20 tiêu chí đánh giá, đây là mức phân hóa đáng kể trong cùng một ngành. Điều này cho thấy, mức độ minh bạch không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp niêm yết ở sàn nào mà phản ánh văn hóa quản trị nội bộ và cam kết chiến lược của từng doanh nghiệp. Minh chứng rõ nét nhất là VNZ và FOX (UPCoM) đạt điểm DI cao hơn nhiều so với ICT hay MFS (sàn chính thức), bác bỏ quan niệm thông thường rằng UPCoM đồng nghĩa với kém minh bạch.

3.2. Tỷ trọng tài sản vô hình (INTAN): Độ chênh lệch giá trị tài sản tri thức và sổ sách kế toán

Phát hiện đáng ngại trong nghiên cứu này là tỷ trọng tài sản vô hình trên tổng tài sản (INTAN) của toàn mẫu chỉ đạt mức trung bình 2,35%, với giá trị lớn nhất trong toàn mẫu cũng chỉ dừng ở 6,96% (CMG, 2022 - 2023). Thậm chí, ONE và MFS có INTAN = 0,00% trong nhiều năm liên tiếp. Đây là con số mang tính nghịch lý cho thấy các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực số hóa, phần mềm và giải pháp công nghệ hầu như không có tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Biến	Số quan sát (N)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std.Dev)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
DI - Chỉ số minh bạch thông tin	60	0,8333	0,0837	0,7000	0,9500
PROFIT - ROA (Lợi nhuận/Tổng tài sản)	60	3,13%	11,70%	-70,07%	13,09%
INTAN - Tài sản vô hình/Tổng tài sản	60	2,35%	2,07%	0,00%	6,96%
AUDIT - Kiểm toán Big4 (1 = Big4, 0 = khác)	60	41,67%	49,72%	0	1
FOREIGN - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	60	14,43%	18,80%	0,00%	49,00%
LIST - Sàn chính thức HOSE/HNX (1 = có)	60	58,33%	49,72%	0	1

Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC và công bố thông tin của 12 DN công nghệ (2020-2024).

Nguyên nhân cốt lõi đến từ sự khắt khe của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 04). Cụ thể, phần lớn chi phí nghiên cứu và triển khai (R&D) bị bắt buộc hạch toán vào chi phí trong kỳ do rất khó thỏa mãn 7 điều kiện vốn hóa nghiêm ngặt. Thêm vào đó, VAS 04 cấm hoàn toàn việc ghi nhận các tài sản nội sinh như thương hiệu hay danh sách khách hàng. Hậu quả là Bảng cân đối kế toán bỏ sót phần lớn giá trị tri thức cốt lõi, làm sai lệch giá trị thực của doanh nghiệp công nghệ và gây khó khăn cho việc định giá.

3.3. *Rủi ro lợi nhuận (PROFIT/ROA) và chất lượng kiểm toán*

ROA trung bình toàn mẫu đạt 3,13%, song con số này hoàn toàn không thể hiện rõ mức độ biến động lớn: độ lệch chuẩn lên tới 11,70%, trong khi giá trị dao động từ -70,07% (ITD, 2023) đến 13,09% (FPT, 2024). Trường hợp ITD với ROA -70,07% năm 2023 là giá trị nghiêm trọng nhất mẫu, phản ánh khoản lỗ đột biến sau một giai đoạn đầu tư mở rộng quá mức, buộc doanh nghiệp phải ghi nhận tổn thất lớn. FPT ngược lại duy trì ROA trên 10% trong 3 năm liên tiếp (2022 - 2024) minh chứng cho khả năng tạo giá trị bền vững của mô hình đa mảng. Sự phân hóa này phản ánh rõ đặc thù ngành rằng doanh nghiệp công nghệ thành công hưởng lợi nhuận vượt trội nhờ hiệu ứng quy mô và mạng lưới, trong khi doanh nghiệp thất bại có thể chịu thua lỗ rất sâu.

Về chất lượng kiểm toán, 41,67% quan sát trong mẫu được kiểm toán bởi Big4 (tương đương 25/60 quan sát), chủ yếu tập trung tại FPT (Deloitte), CMG (KPMG), VNZ và FOX (PwC). Tỷ lệ này là nỗ lực đáng ghi nhận, cho thấy các doanh nghiệp hàng đầu đã ý thức được vai trò của kiểm toán uy tín trong việc gia tăng độ tin cậy thông tin. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trung bình đạt 14,43% (cao nhất là FPT và CMG với

gần 49%), phản ánh mức độ quốc tế hóa của nhóm dẫn đầu và kéo theo áp lực nâng chuẩn công bố thông tin theo thông lệ quốc tế.

4. *Kết luận và hàm ý chính sách*

Từ kết quả trên, có thể thấy bức tranh thực trạng công bố thông tin kế toán mang tính hai mặt. Một mặt, ghi nhận nỗ lực (DI trung bình 83,33%, gần 42% dùng Big4) đan xen với những bất cập cơ bản (phân hóa mạnh, INTAN gần như bằng 0, ROA biến động mạnh). Tác giả đề xuất hai nhóm hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, đối với cơ quan quản lý nhà nước gồm Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Cần sớm ban hành lộ trình điều chỉnh VAS 04 theo hướng tiệm cận IAS 38, cho phép vốn hóa chi phí phát triển phần mềm, thương hiệu số, và các tài sản trí tuệ đủ điều kiện xác nhận. Việc “mở khóa” ghi nhận tài sản vô hình trong BCTC không chỉ giải quyết nghịch lý INTAN 2,35% mà còn nâng cao tính phù hợp và có thể so sánh của BCTC với thông lệ quốc tế, hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài định giá đúng doanh nghiệp công nghệ Việt Nam, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán lên mức thị trường mới nổi.

Thứ hai, đối với các doanh nghiệp công nghệ: Trước bối cảnh ROA biến động mạnh và không thể dự báo trong ngắn hạn, các doanh nghiệp cần chủ động bù đắp bằng cách nâng cao chất lượng công bố thông tin phi tài chính. Báo cáo thường niên cần bổ sung các chỉ số đo lường giá trị vô hình như chi tiêu R&D, số lượng bằng sáng chế, mức độ hài lòng khách hàng, và chính sách phát triển nhân tài công nghệ. Thông tin phi tài chính chất lượng cao giúp nhà đầu tư có cơ sở đánh giá giá trị dài hạn vượt ra ngoài những biến động lợi nhuận ngắn hạn, từ đó ổn định định giá và giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính (2003). Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình (VAS 04), ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2021.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Healy, P. M., & Palepu, K. G. (2001). Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital markets: A review of the empirical disclosure literature. *Journal of Accounting and Economics*, 31(1-3), 405-440.

IASB (2014). IAS 38 Intangible Assets (Revised 2014). London: International Accounting Standards Board.

Lev, B. (2001). *Intangibles: Management, Measurement, and Reporting*. Washington D.C.: Brookings Institution Press.

Ngày nhận bài: 9/03/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/03/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/4/2026

CURRENT SITUATION OF ACCOUNTING INFORMATION DISCLOSURE OF LISTED TECHNOLOGY COMPANIES IN VIETNAM

● PHUNG THI HIEN

Department of Accounting and Auditing,
University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

This study examines the state of accounting information disclosure among 12 listed and registered technology firms in Vietnam over the period 2020 - 2024, using a panel dataset of 60 observations. Descriptive analysis indicates that the average disclosure index reaches 83.33%, reflecting relatively strong transparency practices. However, several notable limitations are identified. First, there is considerable variation in disclosure levels across firms, with DI ranging from 70.00% to 95.00%. Second, intangible assets account for a modest share of total assets, averaging only 2.35%, suggesting limited recognition or reporting of intangible value. Third, return on total assets exhibits substantial volatility, ranging from -70.07% to 13.09%, highlighting the sector's inherent risk profile. These findings provide empirical insights into the quality and consistency of accounting disclosure in Vietnam's technology sector, particularly with respect to non-financial information.

Keywords: disclosure of accounting information, transparency of information, technology companies.